

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-03-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Đào Tuấn Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 8 xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Jung Jung D, sinh năm 1980; nơi cư trú: Hàn Quốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 12/6/2019 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Chị A và anh Jung Jung D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại Việt Nam vào tháng 10 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và đã ghi chú vào Sổ đăng ký kết hôn số 507 quyển số 01/2013 ngày 26/12/2013 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh. Tháng 4 năm 2014, chị A sang Hàn Quốc chung sống cùng anh Jung Jung D được khoảng 06 tháng thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Jung Jung D không cho chị A đi làm, không quan tâm đến chị A cả về vật chất và tinh thần. Đến tháng 9 năm 2014 thì anh Jung Jung D bảo chị A về Việt Nam đón mẹ đẻ của chị

A sang Hàn Quốc chơi và tìm việc làm cho mẹ của chị A. Nhưng sau đó anh Jung Jung D không làm giấy tờ bảo lãnh cho mẹ của chị A và yêu cầu chị A quay lại Hàn Quốc. Sau khi trở lại Hàn Quốc, chị A chung sống với anh Jung Jung D được khoảng 20 ngày thì không chịu được cách cư xử của anh Jung Jung D nên đã bỏ ra ngoài sinh sống. Cho đến tháng 9 năm 2017 thì chị A bị Cảnh sát Hàn Quốc phát hiện cư trú bất hợp pháp nên đã trục xuất về Việt Nam. Nhiều năm nay chị A và anh Jung Jung D không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau và không còn cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh Jung Jung D để ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Chị Axác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Avắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đồng thời cam kết không kháng cáo bản án.

Anh Jung Jung D vắng mặt do việc ủy thác tư pháp không có kết quả.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Jung Jung D đã sâu sắc. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh Jung Jung D; chị A không yêu cầu về con chung và tài sản chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh Jung Jung D vắng mặt tại phiên tòa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu xin ly hôn giữa chị A và anh Jung Jung D; đồng thời đề nghị anh Jung Jung D cho biết quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị A. Ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân

thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 1468/CH-BTP của Bộ Tư pháp Việt Nam về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp Việt Nam. Ngày 21/10/2019, Tòa án tiếp tục nhận được văn bản số 3298/BTP-PLQT ngày 11/11/2019 của của Bộ Tư pháp Việt Nam cho biết, Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người tiếp nhận. Sau khi nhận được văn bản này, ngày 28/10/2019, Tòa án đã có văn bản gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Ban biên tập Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị đăng tải thông báo của Tòa án cho anh Jung Jung Dbiết về thời gian mở phiên họp hòa giải, thời gian mở phiên tòa xét xử. Ngày 19/02/2020, Tòa án nhận được Văn bản của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc xác nhận đã tổng đạt nhưng không nhận được sự phản hồi của đương sự, đã niêm yết công khai và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán 30 ngày nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ tổng đạt. Đến nay, đã hết thời hạn một tháng kể từ ngày đăng thông báo nhưng anh Jung Jung D không có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Jung Jung D theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Jung Jung D kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và đã ghi chú vào Sổ đăng ký kết hôn số 507 quyển số 01/2013 ngày 26/12/2013 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do tính cách, quan điểm và lối sống hai bên không phù hợp nên chỉ sau một thời gian ngắn chung sống thì chị A đã bỏ ra bên ngoài sinh sống, cư trú bất hợp pháp đến tháng 9 năm 2017 thì bị Cảnh sát Hàn Quốc trục xuất do cư trú không hợp pháp tại Hàn Quốc. Nhiều năm nay chị A và anh Jung Jung D đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và khả năng đoàn tụ vợ chồng là không còn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A là được ly hôn với anh Jung Jung D - quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

[5] Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn và chi phí tố tụng ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh anh Jung Jung D.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

- Chị Nguyễn Thị A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 1877 ngày 17/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Chị Nguyễn Thị A phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 9167 ngày 17/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Jung Jung D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Minh Phương**